TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; Ông Nguyễn Tất Thể.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2022/TLST - HNGĐ, ngày 31/3/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa số 24/QĐST – HNGĐ ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1998; HKTT: Thôn 4, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Tiến H**, sinh năm 1991; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn 4, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến H kết hôn với nhau vào ngày 10/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C (Nay là xã N), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn chị và anh H được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2020, hai vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau

trong cuộc sống. Tháng 01/2022, chị H về Việt Nam nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân, chị và anh H không có con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tiến H hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Nguyễn Tiến H nhưng không được cung cấp địa chỉ của anh H ở Nhật Bản; anh H cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 26/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, Công văn số 253 ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H; Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Tiến H hiện đang lao động tự do tại Nhật Bản không rõ địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 4746/QLXNC-P5, ngày 09/3/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Anh Nguyễn Tiến H, sinh ngày 24/8/1991 đã xuất nhập cảnh 9 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 14/02/2020 qua sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Tiến H hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Nguyễn Tiến H gồm các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa..v.v. Đồng thời, yêu cầu anh H trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị H nhưng anh H không có bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh H cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức, không phối hợp trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Tại biên bản xác minh thân nhân anh H ông Nguyễn Tiến D và Đặng Thị H (bố mẹ đẻ anh H) cho biết: Anh H là con ruột của ông bà, anh đang đi lao động tại Nhật Bản, thi thoảng có liên lạc về gia đình qua điện thoại nhưng địa chỉ cụ thể của anh H tại Nhật Bản ông bà không rõ, Hùng kết hôn cùng Hoài vào năm 2019, sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, dịp Tết nguyên đán năm 2022, Hoài về Việt Nam và đề cập việc ly hôn thì gia đình mới biết còn nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào gia đình không rõ; vợ chồng Hùng – Hoài không có con chung. Nhưng đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Hoài đó là việc của hai con ông bà không liên quan nên không có ý kiến gì và từ chối ký biên bản làm việc. Tòa án cũng đã liên lạc với anh H qua điện thoại, anh trình bày về thời gian, địa điểm kết hôn, cuộc sống vợ chồng đúng như chị H đã trình bày. Anh kết hôn với chị H vào năm 2019 tại UBND xã C (Nay là xã N), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi lao động tại Nhật Bản, chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh biết việc chị H làm đơn xin ly hôn, theo anh ly hôn cũng được nhưng trước khi giải quyết ly hôn phải yêu cầu chị H thanh toán các giấy tờ bảo lãnh Hoài đã bán cho người khác trước khi về Việt Nam. Tòa án đã giải thích và hỏi cụ thể số tiền bảo lãnh đó là tiền gì, cụ thể là bao nhiêu và yêu cầu anh cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc anh trả nợ cho chị H để Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa ấn định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 04/7/2022, lần 2 vào ngày 21/7/2022, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho anh H thông qua người thân và tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tiến H theo thủ tục chung.

1.3] Chị Lê Thị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[1.4] Chị Lê Thị H có văn bản đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ các Điều 205, 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ban hành Thông báo số 15/TB – TA ngày 03/6/2022 về việc vụ việc không hòa giải được.

[1.5] Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình theo đúng quy định pháp luật.

[1.6] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu chứng cứ và tiến hành xác minh tài liệu chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai

chứng cứ là tuân thủ quy định tại các điều 93, 94, 95, 96, 97, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tiến H đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 10/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã C (Nay là xã N), huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2020, hai vợ chồng cùng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng tiếp tục chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chia sẽ với nhau trong cuộc sống. Tháng 01/2022, chị H về Việt Nam, cắt đứt liên lạc với anh H không muốn tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng hôn nhân của chị H và anh H không đạt được mục đích đó, vợ chồng đã không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến H để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Tiến H không có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Tiến H có ý kiến khi giải quyết ly hôn phải yêu cầu chị H thanh toán các giấy tờ bảo lãnh chị H đã bán cho người khác trước khi về Việt Nam nhưng không có các giấy tờ chứng minh cụ thể số tiền anh đã trả và anh yêu cầu chị H thanh toán cụ thể khoản gì nên Tòa án không có cơ sở để xem xét. Vì vậy, cần tách yêu cầu giải quyết về tài sản chung vợ chồng bằng một vụ án khác khi anh Nguyễn Tiến H về Việt Nam và có yêu cầu. Nên trong vụ án này Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 228, 273, 469 khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H.

2. Về con chung: Không có con chung nên miễn xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000144 ngày 31/3/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Quang Năng